

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1181/QĐ-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2619/TTr-SGDĐT ngày 04/6/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Hoàn thành ***trước ngày 17/6/2026***.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp xã thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nội dung công bố 03 thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (mã số hồ sơ TTHC: 1.005061); Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại (mã số hồ sơ TTHC: 2.001987); Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (mã số hồ sơ TTHC: 1.012960) tại Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu, Cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ GDĐT;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ BCCI;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, TDNV, HCC_H.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục
DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG TRỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC	TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Chuyển giao cho doanh nghiệp BCCI
I	Lĩnh vực Giáo dục trung học (04 TTHC)						
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
2	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP;	Có	Có

	là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.012954)				Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP.		
3	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012955)	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
4	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012956)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường trung học phổ thông.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số	Có	Có

					23/2026/NQ-CP		
II	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên (09 TTHC)						
5	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
6	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000317)	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
7	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (1.012988)	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
8	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục (1.013751)	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
9	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP;	Có	Có

	thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực (1.013753)		chính công tỉnh/cấp xã		Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP		
10	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực (1.013754)	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
11	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (1.013755)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
12	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (1.013757)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
13	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) (1.013758)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
II	Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác (13 TTHC)						

14	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên (1.012958)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
15	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
16	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên (1.004999)	20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
17	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.004991)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường trung học phổ thông chuyên.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
18	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (1.012959)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có

19	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục (3.000297)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
20	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (3.000299)	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
21	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000300)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
22	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật (3.000301)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
23	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục (3.000302)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có

24	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật (3.000304)	20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
25	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (3.000305)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
26	Thành lập, cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (3.000306)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
V	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo với nước ngoài (05 TTHC)						
27	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số	Có	Có

	nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)				143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP		
28	Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499)	Tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bao gồm 20 ngày làm việc Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp theo thủ tục nội bộ giữa Sở GDĐT và Bộ GDĐT).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
29	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp điều chỉnh liên kết giáo dục trong đó có điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp thì thời gian giải quyết tối đa 26 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (bao gồm 20 ngày làm việc Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp theo thủ tục nội bộ giữa Sở GDĐT và Bộ GDĐT)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có

30	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
31	Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có

2. Thủ tục hành chính cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC	TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Chuyển giao cho doanh nghiệp BCCI
I	Lĩnh vực Giáo dục mầm non (03 TTHC)						
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012971)	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
2	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập (1.012973)	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-	Có	Có

		hợp lệ.	tỉnh/cấp xã		CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP		
3	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường (1.012974)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị giải thể.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
II	Lĩnh vực Giáo dục tiểu học (04 TTHC)						
4	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học (1.012963)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
5	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)	14 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
6	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)	13 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị	Có	Có

		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	chính công tỉnh/cấp xã		định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP		
7	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học) (1.001639)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường tiểu học.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
III	Lĩnh vực Giáo dục trung học (04 TTHC)						
8	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012964)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
9	Cho phép trường trung học	15 ngày làm	Trung tâm	Không	Nghị định số	Có	Có

	cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.012965)	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã		125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP		
10	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (1.012967)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
11	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) (1.012968)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể trường trung học cơ sở.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
IV	Lĩnh vực Giáo dục thường xuyên (03 TTHC)						

12	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.012969)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
13	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng (3.000307)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
14	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) (3.000308)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
V	Lĩnh vực Cơ sở giáo dục khác (02 TTHC)						
15	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở (3.000309)	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã		Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP	Có	Có
16	Cho phép cơ sở giáo dục	05 ngày làm	Trung tâm		Nghị định số	Có	Có

	khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (1.012975)	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã		125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP		
--	---	--	-------------------------------------	--	---	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã số TTHC)	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC thay thế	TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Chuyển giao cho doanh nghiệp BCCI
I	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (07 TTHC)							
1	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thực ¹ (1.013759)	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật	16 ngày làm việc đối với cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.013764)							

¹ TTHC thay thế không bao gồm nội dung liên quan đến phân hiệu của trường trung cấp tư thực.

	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận (1.013765)		tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận);					
	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (1.000509)							
2	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013760)	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000138)							
3	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013761)	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp,	15 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP;	Có	Có

	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài ² (1.000553)	trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP		
4	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn (1.010927) Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000154)	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp	05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
5	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013762)	Giải thể phân hiệu của trường trung cấp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
6	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề	03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính	Không	Nghị định số 95/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số	Có	Có

² TTHC thay thế không bao gồm thay thế nội dung chấm dứt hoạt động phân hiệu trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài.

	tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.013763) Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.000530)	ng nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		công tỉnh/cấp xã		23/2026/NQ-CP		
7	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189) Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389)	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp	07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 143/2016/NĐ-CP; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có

2. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã

STT	Tên TTHC được thay thế (Mã số TTHC)	Tên TTHC thay thế (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định TTHC	TTHC thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính	Chuyển giao cho doanh nghiệp BCCI
I	Lĩnh vực Giáo dục mầm non (04 TTHC)							
1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012961)	Thành lập hoặc cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	12 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
2	Cho phép trường mầm giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)	Cho phép nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	12 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP;	Có	Có

						Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP		
3	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)	Sáp nhập, chia, tách nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non	12 ngày làm việc kể từ nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có
4	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.012962)	Giải thể nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị giải thể.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không	Nghị định số 125/2024/NĐ-CP; Nghị định số 142/2025/NĐ-CP; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP; Nghị định số 124/2024/NĐ-CP; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP	Có	Có

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	1.012954 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	1.013752 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	3.000316 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	1.013756 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thực hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	1.005061 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
6	2.001987 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	1.012960 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
8	1.000939 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
9	1.006446 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	1.000718 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	1.001495 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non;	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
	UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	1.000716 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
13	1.001493 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	2.000451 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	1.001492 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
16	2.000680 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định cho phép thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
17	1.001501 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
18	2.000691 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Thủ tục hành chính cấp xã

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	1.006444 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 25/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	1.012972 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 25/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	1.004552 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc

	25/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị		phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	1.012966 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 25/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
5	1.012970 Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 25/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Nghị quyết số 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và cắt giảm điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo